

Lái Thiêu, ngày 24 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để xây dựng dự toán giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “Vật tư y tế chẩn thương chỉnh hình năm 2026-2027”, phục vụ công tác chuyên môn tại đơn vị.

I. Thông tin gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Gói thầu Vật tư y tế chẩn thương chỉnh hình năm 2026-2027
- Tên gói thầu: “Vật tư y tế chẩn thương chỉnh hình năm 2026-2027”

II. Thông tin cơ bản về yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Thuận An.
- Hàng hóa: Hóa chất, vật tư xét nghiệm, Thiết bị y tế

III. Thông tin liên hệ nhận báo giá:

- Phòng Vật tư - TB YT - Trung tâm Y tế khu vực Thuận An
- Điện thoại: 0274.3755434
- Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh.

IV. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận hồ sơ trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn Thư – Lầu 3 Trung tâm y tế khu vực Thuận An, đường Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nhận File điện tử: Email: ttytdt2024@gmail.com
- Địa điểm phát hành yêu cầu báo giá: <http://trungtamytethuanan.com.vn>, muasamcong.mpi.gov.vn
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ ngày 24 tháng 04 năm 2026 đến 17 giờ ngày 05 tháng 05 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 05 tháng 05 năm 2026.

V. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Nội dung thiết bị y tế (phụ lục đính kèm)

2. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá:

- Bảng báo giá: Cung cấp file điện tử qua mail và nhận trực tiếp

- Hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế
- Tài liệu kỹ thuật có liên quan: Cung cấp các tài liệu kỹ thuật của trang thiết bị y tế (Catalogue) để chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật; giấy chứng nhận lưu hành và các tài liệu liên quan của trang thiết bị y tế.

Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá phù hợp khả năng cung cấp của mình và phải đảm bảo việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An rất mong nhận được sự quan tâm của Quý Công ty/Đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận: *ML*

- Như trên;
- Lưu: VT; P. VT-TBYT.



Lương Chiện Tích



NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO GIÁ

CĐT điện thông tin
SĐT từ 1 trở đi. Ví dụ: 1, 2, 3, ...

CĐT điện thông tin về Hàng hóa/dịch vụ cụ thể. Ví dụ: Thiết bị A, Thiết bị B, Văn chuyen: Lắp đặt, ...

Điện thông tin khối lượng cần yêu cầu. Tối đa 4 số thập phân sau dấu "." Ví dụ: 2.5992


CĐT điện thông tin Đơn vị tính Ví dụ: Cái; Chiếc; Lăn...

CĐT điện thông tin mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cho hàng hóa/dịch vụ

CĐT điện thông tin địa điểm thực hiện giao hàng/địa điểm thực hiện dịch vụ.

CĐT điện thông tin

| STT | Danh mục hàng hóa/dịch vụ | Khối lượng | Đơn vị tính | Mô tả hàng hóa/dịch vụ | Địa điểm thực hiện | Quy cách | Ghi chú |
|-----|----------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------|---------|
| 1 | Đinh chốt cằng chân các cỡ | 5 | Cái | <p>Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương</p> <p>Kích cỡ: đường kính đỉnh 8-10mm. Chiều dài 255-375mm, mỗi bước tăng 15mm.</p> <p>Đặc tính: thân đinh đặc (gồm 1 đỉnh, 1 nắp đỉnh và 4 vít). Các loại vít như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vít chốt khoá đường kính 4.8mm với chiều dài: 30-80mm, gia số tăng 5mm. + Vít chốt khoá đường kính 4.3mm với chiều dài: 25-80mm, gia số tăng 5mm. <p>Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p> | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | | |

| | | | | | | |
|---|--------------------------|---|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | Đinh chốt đui các cỡ | 5 | Cái | <p>Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương</p> <p>Kích cỡ: đường kính đinh 9-11mm. Chiều dài 340-420mm, mỗi bước tăng 20mm.</p> <p>- Đặc tính: thân đinh rộng (gồm 1 đinh, 1 nắp đinh và 4 vít). Các loại vít như sau:</p> <p>+ Vít khoá Gamma đường kính 6.4mm với chiều dài 70-115mm, gia tăng số 5mm;</p> <p>+ Vít chốt khoá đường kính 4.7mm với chiều dài: 26-60 mm, gia số tăng 2mm, 64-84mm gia tăng số 4mm.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p> | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An |  |
| 3 | Bắt động ngoài cẳng chân | 2 | Bộ | <p>- Chất liệu: thép y khoa (Stainless Steel) hoặc tương đương</p> <p>- Kích cỡ: Gồm có 1 thanh chính có 2 khớp nối, 4 đinh đường kính 6mm /5mm/4mm.</p> <p>- Đặc tính: dùng để cố định bên ngoài cho các phẫu thuật gãy hở xương cẳng chân, có 1 thanh lắp ốc và sử dụng cờ lê lục giác hình chữ L</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p> | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |
| 4 | Bắt động ngoài đui | 2 | Bộ | <p>- Chất liệu: thép y khoa (Stainless Steel) hoặc tương đương</p> <p>- Kích cỡ: Gồm có 1 thanh chính có 2 khớp nối dài 260mm và 1 thanh nén, kéo.</p> <p>- 6 đinh đường kính 6.0mm với chiều dài 130mm, đoạn răng 50mm.</p> <p>- Đặc tính: dùng để cố định bên ngoài cho các phẫu thuật gãy hở xương đui, có 1 thanh lắp ốc và sử dụng cờ lê lục giác hình chữ L.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p> | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |
| 5 | Nẹp khoá chữ I các cỡ | 5 | Cái | <p>- Chất liệu: Pure Titanium hoặc tương đương</p> <p>- Kích cỡ: có 7 cỡ từ 4-10 lỗ tới thiếu có cỡ 8,9 lỗ</p> <p>Chiều dài từ 23.2-55mm, tối thiểu có cỡ dài 28.5, 44.4mm</p> <p>- Đặc tính: nẹp thẳng có lỗ vít tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vò), chất liệu Titanium hoặc tương đương.</p> <p>+ Sử dụng vít khoá đường kính 2.0mm và vít vò đường kính 2.0mm</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE</p> | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |

| | | | | | | |
|---|------------------------------------|---|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--|
| 6 | Nẹp khóa chữ L (trái, phải) các cỡ | 5 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Pure Titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: có 4 cỡ từ 5 - 8 lỗ, ứng với chiều dài từ 22.5 - 38.4mm, tối thiểu có cỡ dài 27.8mm - Đặc tính: nẹp hình chữ L có lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vò), chất liệu Titanium hoặc tương đương + Sử dụng vít khoá đường kính 2.0mm và vít vò đường kính 2.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |
| 7 | Nẹp khóa chữ T các cỡ | 5 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: 5 -> 9 lỗ. Chiều dài: 23.4 -> 44.6mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ T có lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vò), chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 2.0mm và vít vò đường kính 2.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |
| 8 | Nẹp khóa đa hướng căng chân các cỡ | 5 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: + 4->16 lỗ, tương ứng chiều dài: 94 ->310mm. - Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> + Nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoan đa hướng + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép), + Chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vò đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |

| | | | | | | |
|----|------------------------------------------------------|----|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--|
| 9 | Nẹp khóa đa hướng căng tay các cỡ | 20 | Cải | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Pure Titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ từ 4 - 10 lỗ, ứng với chiều dài từ 63 - 141 mm (bước tăng 13mm) - Đặc tính: nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khóa đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium hoặc tương đương + Sử dụng vít khóa đường kính 4.0mm và vít vô đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE | Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An | |
| 10 | Nẹp khóa đa hướng cánh tay các cỡ | 5 | Cải | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: 4->12 lỗ tương ứng Chiều dài: 67->171mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khóa đa hướng, chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 4.0mm và vít vô đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An | |
| 11 | Nẹp khóa đa hướng chữ Y cánh tay (trái, phải) các cỡ | 5 | Cải | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 6-> 12 lỗ tương ứng với Chiều dài: 67->171mm. - Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> + Nẹp hình chữ Y, + Đầu nẹp có 2 nhánh nhỏ, mỗi nhánh có 3 lỗ vít khóa đa hướng + Đầu nẹp có lỗ dùng để xuyên đinh Kirschner có định nẹp trước khi bắt vít. + Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vô) và 1 lỗ vít dùng để nén ép, chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khóa đường kính 4.0mm và vít vô đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An | |

| | | | | | | | |
|----|-------------------------------------------------------------|----|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--|--|
| 12 | Nẹp khóa đa hướng đầu dưới cẳng chân II (trái, phải) các cỡ | 5 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: 6->13lỗ tương ứng Chiều dài: 124->228mm. - Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu nẹp có 6 lỗ vít khoá đa hướng, 2 lỗ vít khoá hình số tám(lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép). + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), + Chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | | |
| 13 | Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương mác các cỡ | 5 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: Có 6-> 12 lỗ tương ứng Chiều dài: 74->171 mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, đầu nẹp có móc và có 3 lỗ vít khoá đa hướng, đầu nẹp có lỗ dùng để xuyên đinh Kirschner có định vị trước khi bắt vít. Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 2.7/4.0mm, vít vỏ đường kính 2.7/4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | | |
| 14 | Nẹp khóa đa hướng đầu trên mâm chày (trái, phải) các cỡ | 10 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 3->13lỗ tương ứng Chiều dài: 99-> 299mm. - Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu nẹp có 5 lỗ vít khoá đa hướng + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép) và lỗ vít hình tròn, + Chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | | |

| | | | | | | |
|----|--------------------------------------------------|----|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--|
| 15 | Nẹp khóa đa hướng đầu trên xương cánh tay các cỡ | 10 | Cải | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: 3-12lỗ. Chiều dài tương ứng 103-194mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 9 lỗ vít khóa đa hướng (lỗ vít khóa đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh) và 1 lỗ vít hình tròn dùng để nén ép, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |
| 16 | Nẹp khóa đa hướng đầu xa (trái, phải) các cỡ | 5 | Cải | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 4->10lỗ. Chiều dài: 72->144mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ S, + Đầu nẹp có 6 lỗ vít khóa đa hướng + Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vỏ) - Sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm/4.0mm, vít vỏ đường kính 2.7/4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |
| 17 | Nẹp khóa đa hướng đùi các cỡ | 5 | Cải | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Pure Titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ có từ 6 -16 lỗ (tối thiểu 10 cỡ). Chiều dài từ 143 - 323mm, tối thiểu có cỡ dài 179, 251mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khóa đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium hoặc tương đương + Sử dụng vít khóa đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |

| | | | | | | | |
|----|-----------------------------------------------------|----|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--|--|
| 18 | Nẹp khóa đa hướng đầu đầu rấn các cỡ | 5 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: 4-> 13lỗ tương ứng Chiều dài: 120-> 282mm. - Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu nẹp có 4 lỗ vít khoá đa hướng + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép), + Chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vô đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | | |
| 19 | Nẹp khóa đa hướng gót chân IV các cỡ | 10 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: size 6-12 lỗ, chiều dài 58mm và 67mm. - Đặc tính: thân nẹp lỗ vít khoá đa hướng, chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vô đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | | |
| 20 | Nẹp khóa đa hướng khớp cùng đòn (trái, phải) các cỡ | 5 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 3->10 lỗ. Chiều dài: 61->131mm. - Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu nẹp là hình tam giác có móc, có 2 lỗ vít khoá đa hướng và 1 lỗ vít hình tròn, + Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vô) và 1 lỗ vít dùng để nén ép + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vô đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | | |

| | | | | | | | |
|----|--------------------------------------------------------------|---|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--|--|
| 21 | Nẹp khóa đa hướng L nâng đỡ (trái, phải) các cỡ | 5 | Cải | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: 4->10 lỗ tương ứng Chiều dài: 80->144mm. - Đặc tính: Nẹp hình chữ L, <ul style="list-style-type: none"> + Đầu nẹp có 2 lỗ vít hình số tám (gồm lỗ vít khóa đa hướng và lỗ vít dùng để nén ép), + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép) - Sử dụng vít khóa đường kính 5.0mm và vít vô đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An | | |
| 22 | Nẹp khóa đa hướng lõi cầu ngoài cánh tay (trái, phải) các cỡ | 5 | Cải | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: 5->11lỗ. Chiều dài: 99->171mm. - Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu nẹp có 3 lỗ vít khóa đa hướng và 3 lỗ vít khóa hình tròn + Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vô) và 1 lỗ vít dùng để nén ép, chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm/4.0mm; vít vô đường kính 2.7/4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An | | |
| 23 | Nẹp khóa đa hướng lõi cầu trong cánh tay (trái, phải) các cỡ | 5 | Cải | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 4->10 lỗ. Chiều dài: 79->151mm. - Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu nẹp có 3 lỗ vít khóa đa hướng và 1 lỗ vít khóa hình tròn, + Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vô) và 1 lỗ vít dùng để nén ép, chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm/4.0mm; vít vô đường kính 2.7/4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An | | |

| | | | | | | |
|----|------------------------------------------------------|----|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--|
| 24 | Nẹp khóa đa hướng mắc xích các cỡ | 10 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 4-> 16 lỗ tương ứng Chiều dài: 70->205mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khóa đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 4.0mm và vít vô đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |
| 25 | Nẹp khóa đa hướng môm khuỷu (trái, phải) các cỡ | 5 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 3-> 8 lỗ tương ứng Chiều dài: 70-> 135mm. - Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu nẹp có 2 lỗ vít khóa, + Thân nẹp có lỗ ở đầu nẹp và cuối nẹp là lỗ vít khóa đa hướng + Các lỗ vít còn lại là lỗ vít hình tròn (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít vô); + Chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 4.0mm và vít vô đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |
| 26 | Nẹp khóa đa hướng ốp lõi cầu đùi (trái, phải) các cỡ | 5 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 4-> 13 lỗ tương ứng Chiều dài: 139-> 319mm. - Đặc tính: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu nẹp có 7 lỗ vít khóa đa hướng + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép) và lỗ vít hình tròn, + Chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khóa đường kính 5.0mm và vít vô đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |

| | | | | | | | |
|----|--------------------------------------------------------|----|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--|--|
| 27 | Nẹp khóa đa hướng T nâng đỡ các cơ | 5 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. Kích cỡ: 3 -> 8 lỗ. Chiều dài tương ứng 65 -> 145mm. Đặc tính: Nẹp hình chữ T, đầu nẹp có 2 lỗ vít hình số tám (gồm lỗ vít khóa đa hướng và lỗ vít dùng để nén ép), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 5.0mm và vít vô đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An | | |
| 28 | Nẹp khóa đa hướng T nhỏ các cơ | 5 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Pure Titanium hoặc tương đương. Kích cỡ: 3-6 lỗ. Chiều dài tương ứng: 45-78mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ T, đầu nẹp có 4 lỗ vít khóa đa hướng (lỗ vít khóa đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng), thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vô), chất liệu Titanium + Sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm và vít vô đường kính 2.7mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An | | |
| 29 | Nẹp khóa đa hướng xương đòn S (trái, phải) các cơ | 50 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 6 -> 10 lỗ tương ứng Chiều dài: 69 -> 117mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ S, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khóa đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vô), chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 4.0mm và vít vô đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An | | |
| 30 | Nẹp khóa đầu xa hai xương cẳng tay (trái, phải) các cơ | 25 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: 6-14 lỗ. Chiều dài: 67-171mm. - Đặc tính: nẹp có hình chữ U, lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vô), chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm và vít vô đường kính 2.7mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An | | |

| | | | | | | |
|----|---------------------|-----|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--|
| 31 | Nẹp khóa DHS các cỡ | 5 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Pure Titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: Có từ 3-12 lỗ tối thiểu có cỡ 6,10 lỗ. Chiều dài từ 91 - 235mm (mỗi bước tăng 16mm) - Đặc tính: nẹp thẳng có kèm vít khoá DHS, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium hoặc tương đương + Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |
| 32 | Vít khóa 2.0 các cỡ | 100 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương - Kích cỡ: đường kính 2.0mm, chiều dài: 6 -> 22mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình tam giác. Dùng tước nơ vít hình tam giác. Thân toàn ren - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. (Tương thích với danh mục số 1.5,1.6,1.7) | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |
| 33 | Vít khóa 2.7 các cỡ | 300 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương - Kích cỡ: đường kính 2.7mm, tương ứng chiều dài: 6 -> 60 mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình ngôi sao. Dùng tước nơ vít hình ngôi sao. Thân toàn ren. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.I39 (Tương thích với danh mục số 1.16,1.22,1.28,1.30) | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |
| 34 | Vít khóa 4.0 các cỡ | 400 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương - Kích cỡ: + Đường kính 4.0mm, + Chiều dài: 12 -> 60mm. - Đặc tính: + Vít tự taro, đầu vít hình lục giác. + Dùng tước nơ vít hình lục giác. + Thân toàn ren. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. (Tương thích với danh mục số 1.9,1.10,1.11,1.12,1.15,1.19,1.20,1.24,1.25) | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |

| | | | | | | | |
|----|------------------------------|-----|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--|--|
| 35 | Vít khóa 5.0mm các cỡ | 300 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương - Kích cỡ: đường kính 5.0mm tương ứng chiều dài: 18 -> 90mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình tam giác. Thân toàn ren, - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. (Tương ứng danh mục 1.8,1.14,1.17,1.18,1.21,1.26,1.27,1.31) | Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An | | |
| 36 | Vít khóa 6.5 các cỡ | 10 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương - Kích cỡ: đường kính 6.5mm, chiều dài: 30 -> 110mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân vít rỗng toàn ren - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An | | |
| 37 | Vít khóa 7.3 các cỡ | 15 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium Alloy hoặc tương đương. - Kích cỡ: đường kính 7.3mm, ứng với chiều dài từ 60-115mm (mỗi bước tăng 5mm) - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân vít rỗng, đoạn ren ngắn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương. | Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An | | |
| 38 | Vít rỗng titan 3.0 các cỡ | 10 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium Alloy hoặc tương đương. - Kích cỡ: đường kính 3.0mm, chiều dài từ 14-30mm (bước tăng 2mm) - Đặc tính: thân vít rỗng, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác rỗng đường kính 2.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương. | Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An | | |
| 39 | Vít vỏ 2.0 các cỡ | 30 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương. - Kích cỡ: đường kính 2.0mm, chiều dài: 6 -> 22mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình tam giác. Dùng tuốc nơ vít hình tam giác. Thân toàn ren. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An | | |
| 40 | Vít vỏ 2.7 các cỡ | 100 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương - Kích cỡ: đường kính 2.7mm, chiều dài: 6 -> 30mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình ngôi sao. Dùng tuốc nơ vít hình ngôi sao. Thân toàn ren. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An | | |

| | | | | | | |
|----|-------------------------|-----|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--|
| 41 | Vít vò 4.0 các cỡ | 200 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: 12 -> 60mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |
| 42 | Vít vò 5.0 các cỡ | 100 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium alloy hoặc tương đương - Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: 18 mm -> 90mm - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren . - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |
| 43 | Vít xóp rộng 4.5 các cỡ | 10 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: thép y khoa/thép không gỉ hoặc tương đương - Kích cỡ: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính 4.5mm, + Chiều dài: 16mm -> 34mm. - Đặc tính: Thân vít rộng, đầu vít hình lục giác, dùng tuốc nơ vít hình lục giác. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |
| 44 | Vít xóp rộng 6.5 các cỡ | 20 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: thép y khoa/thép không gỉ hoặc tương đương - Kích cỡ: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính 6.5mm. + Chiều dài: 50mm -> 120mm. - Đặc tính: Thân vít rộng, đầu vít hình lục giác, dùng tuốc nơ vít hình lục giác. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |
| 45 | Vít xóp rộng 7.3 các cỡ | 5 | Cái | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: thép y khoa/thép không gỉ hoặc tương đương - Kích cỡ: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính 7.3mm, + Chiều dài: 50mm -> 115mm. - Đặc tính: thân vít rộng, thân không toàn ren, chỉ có 1 đoạn ren tại mũi vít; kèm loong đèn đêm, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |

| | | | | | | |
|----|--------------------------------|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--|--------------------------------------|
| 46 | Bộ dính thân xương chày | 10 | <p>Bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium hoặc tương đương - Dính lỏng rỗng Ø8, 9, 10, 11mm, L 255 --> 375mm Locking screw : Ø3.9, L 26 --> 80mm Locking screw : Ø5.0, L 25 --> 90mm End Cap : 5 mm , kèm bộ trợ cụ Canwell. T-iệu chuẩn: ISO13485, CE. | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | | |
| 47 | Bộ dính thân xương đùi | 10 | <p>Bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium hoặc tương đương - Dính lỏng rỗng, tương đương loại CanEFN. Kích thước: Ø9,10,11,12mm, L 300 --> 460mm Lag screw : Ø7.0, L 60 --> 150mm Locking screw : Ø4.9, L 20 --> 80mm End cap : L 5,10,15,20,25,30mm Tiêu chuẩn : ISO13485, CE | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | | |
| 48 | Bộ Nẹp khoá đầu dưới xương đùi | 10 | <p>Bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu : Titanium hoặc tương đương. - Nẹp khoá đầu dưới xương đùi mặt ngoài, sử dụng vít khoá 5.0mm, vít khoá 5.0mm tự khoan, tự taro, vít xương cứng 4.5mm, vít chêm 5.0mm - Loại đầu dưới xương đùi - distal lateral femoral locking plate Kích thước : đầu nẹp 7 lỗ, thân nẹp dài 5/7/9/11/13 lỗ, tương ứng chiều dài 155/195/235/275/315mm, trái/ phải - Loại đầu dưới xương đùi mô ti xâm lấn LISS - distal lateral femoral LISS plate Kích thước : nẹp dài 5/7/9/11/13 lỗ, tương ứng chiều dài 155/195/235/275/315mm, trái/ phải Nẹp dày : đầu nẹp dày 2.8mm, thân nẹp dày 5.5mm Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 35mm, thân nẹp dày 16.5mm | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | | <p>Doc tiêu chuẩn : ISO 9001 FDA</p> |

| | | | | | | |
|----|------------------------------------------------------------------------|----|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--|
| 49 | Bộ đỉnh đầu trên xương đùi | 15 | Bộ | <p>- Chất liệu Titanium hoặc tương đương</p> <p>- Đỉnh rộng, lưỡi, chốt, nắp cổ xương đùi.</p> <p>- Đỉnh ngắn : Ø9,10,11,12,13mm, L 170, 200, 240mm</p> <p>Đỉnh dài : Ø9,10,11mm, L360, 400, 420mm</p> <p>Vít Lag screw : Ø10.4, L 70 --> 120mm</p> <p>Lưỡi Helical Blade : Ø10.4, L 75 --> 120mm</p> <p>Locking screw : Ø4.9, L 20 --> 80mm</p> <p>End cap : L 5, 10, 15mm</p> <p>Bộ gồm : Đỉnh + Lưỡi + Vít + Nắp. kèm bộ trợ cụ Canwell.</p> <p>Tiêu chuẩn : ISO, CE.</p> | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |
| 50 | Khớp háng bán phần không xi măng các cỡ | 15 | Bộ | <p>1. Chuôi xương đùi (cuồng xương đùi): Góc cổ chuôi 135 độ. Vật liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium hoặc tương đương. được phủ 2 lớp gồm 1 lớp bột titanium và 1 lớp hydroxyapatite. Cổ chuôi 12/14, 5 độ 40 phút, hình ê-líp và được đánh bóng gương. Kích thước: size x chiều dài: 9 x 130mm; 10 x 140mm; 11 x 145mm; 12 x 150mm; 13 x 155mm; 14 x 160mm; 15 x 165mm; 16 x 170mm. Tiệt trùng sẵn bằng tia gamma.</p> <p>2. Ổ cối bán phần: Bề mặt ngoài bằng thép ko gi hoặc tương đương, đánh bóng gương. Bề mặt bên trong bằng polyethylene hoặc tương đương. đường kính từ 42-58mm bước tăng 2mm tương ứng chòm đường kính 22.2mm; đường kính từ 42-60mm bước tăng 2mm tương ứng chòm đường kính 28mm. Ổ cối có cơ chế khóa răng chống trật khớp.</p> <p>3. Đầu xương đùi (chòm): Chất liệu: Thép không rỉ hoặc tương đương. Kích cỡ: 12/14 đường kính 22.2mm; có các size: 0; +3, 12.14 đường kính 28mm; có các size: -3.5; 0; +3.5; +7.</p> | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |
| 51 | Khớp háng toàn phần không xi măng, ổ cối chuyển động đôi không xi măng | 10 | Bộ | <p>1. Đầu xương đùi (chòm): Chòm và lớp đệm được đồng thành 1 khối; chòm chuyển động bên trong lớp đệm, lớp đệm chuyển động bên trong ổ cối, tạo thành chuyển động kép. Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương. Kích cỡ: 12/14 đường kính 22.2mm; có các size: 0; +3, 12/14 đường kính 28mm; có các size: -3.5; 0; +3.5; +7.</p> <p>2. Lớp đệm (liner): Vật liệu: Polyethylene hoặc tương đương. Size từ 44-60 bước tăng 2 tương ứng chòm đường kính 22.2mm; size từ 48-60 bước tăng 2 tương ứng chòm đường kính 28mm.</p> <p>3. Ổ cối (cup): bề mặt ngoài có 2 lớp: lớp bên dưới phủ bột titanium, lớp bên trên phủ lớp hydroxyapatite toàn phần.</p> | Trung tâm Y tế khu vực Thuận An | |

| | | | | | | | |
|----|---------------------------------------|---|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| | | | | | | | |
| 52 | Khớp gối toàn phần cổ định có xi măng | 5 | Bộ | <p>vành ngoài có 6 đỉnh cổ định chống xoay; đỉnh ở cối có 4 đỉnh chống lật và xoay. Bề mặt bên trong được đánh bóng cao. Vật liệu: Hợp kim Cobalt - Chrome - molybdenum hoặc tương đương. Kích cỡ: từ 44-60 mm với bước tăng 2 mm. Chén đóng ở cối được thiết kế gắn sẵn với cup, đóng gói tiệt trùng sẵn bằng tia gamma.</p> <p>4. Chươi xương đùi (cuống xương đùi): Góc cổ chươi 135 độ. Vật liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium hoặc tương đương, được phủ 2 lớp gồm 1 lớp bột titanium và 1 lớp hydroxyapatite. Cổ chươi 12,14 5 độ 40 phút, hình ê-líp và được đánh bóng gương. Kích thước: size x chiều dài: 9 x 130mm; 10 x 140mm; 11 x 145mm; 12 x 150mm; 13 x 155mm; 14 x 160mm; 15 x 165mm; 16 x 170mm. Tiệt trùng sẵn bằng tia gamma</p> | | | |
| | | | | <p>* Lòai cầu đùi: hợp kim Co-Cr-Mo hoặc tương đương, có mẫu "Cam" ngăn ngừa trật khớp. Hình dạng cong tăng tâm hoạt động của xương bánh chè. Có tối thiểu 9 size từ F3-F12</p> <p>* Mâm chày: Hợp kim Co-Cr-Mo hoặc tương đương, dạng cổ định, có vòng tăng cường chịu lực, chứa lớp đệm, rãnh dọc chống xoay. Trụ mâm chày nghiêng 3°, có tối thiểu 9 size từ F3-F12</p> <p>* Lớp đệm: Polyethylene cao phân tử hoặc tương đương, kiểu cổ định, hình dạng phù hợp với cầu tăng sự tiếp xúc, chống trật, lõi cầu đùi có khả năng xoay trên bề mặt đĩa đệm, có tối thiểu 9 size, mỗi size có 9 độ dày lớp đệm từ 10 - 26mm</p> <p>* Bánh chè: Polyethylene cao phân tử hoặc tương đương, dạng 3 chân hình vòm, chân dài 5.5mm, biên ngoài 1.5mm, size từ Ø26 - 34mm.</p> <p>* Xi măng xương có kháng sinh Teknimed hoặc tương đương.</p> | | | |